

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 735/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2020

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

*Hội thẩm nhân dân:* **1/ Bà Hoàng Thị Hòa.**

**2/ Ông Dương Xuân Thìn.**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:***

**Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên.**

Ngày 17/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 546/2020/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXX ngày 30/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị T** - Sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Tự do; HKTT: Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Thị trấn TS, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc.  
Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn: Anh Lê Văn B** - Sinh năm 1989; Trú tại: Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do.

Vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2020, các lời khai bổ sung tại Tòa án, Chị Cao Thị T - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Lê Văn B đăng ký kết hôn ngày 13/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B hay chơi cờ bạc, đánh đập chị và không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại chị xác nhận là không còn tình cảm với anh B và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Phương T và anh B nuôi hai cháu Lê Minh D và Lê Văn H. Chị không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **\* Anh Lê Văn B - Bị đơn:**

Tòa án đã triệu tập anh B đến Tòa án nhiều lần anh B không đến. Tòa án đã tiến hành đến lấy lời khai trực tiếp của anh B, nhưng anh B đều vắng mặt nên không lấy được lời khai của Bình.

### **Tại phiên tòa:**

+ Chị Cao Thị T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Lê Văn Bình vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Tháng 10/2017 chị đã một lần nộp đơn xin ly hôn với anh B tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, nhưng sau khi được Tòa án phân tích giải thích chị đã rút đơn về để đoàn tụ vợ chồng, nhưng từ đó cho đến nay anh B vẫn không thay đổi và sửa chữa, nên nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe tốt, cháu Lê Phương T đang

sống cùng chị, cháu Lê Minh D và cháu Lê Minh H đang sống cùng anh B. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương T, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh D và cháu Lê Văn H. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Trước đây chị làm việc tại Công ty TNHH phụ tùng xe máy ô tô S Việt Nam, tuy nhiên chị đã nghỉ việc từ tháng 8/2020. Hiện nay chị đang được hưởng trợ cấp thất nghiệp từ tháng 11/2020, mỗi tháng được 3.740.000 đồng. Hiện tại chị đang buôn bán thêm quần áo thu nhập mỗi tháng được khoảng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì, bị đơn không chấp hành pháp luật, cố tình chống đối, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị T đối với anh Lê Bản B.

Giao cháu Lê Phương T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai cháu Lê Minh D và Lê Văn H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên không xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyển số 01.2009 ngày 13/02/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị T có đơn xin ly hôn với anh B, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Anh Lê Văn B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa án để lấy lời khai, anh B đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh B cố tình chống đối không đến Tòa án và không cung cấp lời khai, không có ý kiến gì và cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh B Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa anh B vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị Cao Thị T và anh Lê Văn B chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh B ham chơi cờ bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và kết quả là hiện nay anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Theo bà Trần Thị M là mẹ đẻ anh B thì chị T và anh B kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình ông bà. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vấn đề về kinh tế, anh B cũng có đi chơi cờ bạc nên đi làm về không đưa tiền cho vợ, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình đã hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2020 và anh chị ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Anh chị có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt, cháu Lê Phương T đang sống cùng chị, cháu Lê Minh D và cháu Lê Minh H đang sống cùng anh B. Trường hợp anh chị ly hôn việc nuôi dưỡng con chung do anh chị tự quyết định. Anh chị không vay nợ gì của bà.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì chị T và anh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, Thành

phố Hà Nội. Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương nắm được chủ yếu về kinh tế, nên dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xích mích lẫn nhau, gia đình của anh chị cũng đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị T xin ly hôn với anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Chị T và anh B có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe tốt. Trường hợp anh chị ly hôn về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Hiện tại anh B và chị T đều làm công nhân, thu nhập bình quân của anh chị địa phương không nắm được.

Anh B đã trực tiếp nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, các văn bản tố tụng khác mẹ anh B là bà Trần Thị M đã nhận thay và cam kết có trách nhiệm giao lại cho anh B. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Do vậy nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh B là có thực, tháng 10/2017 chị T đã một lần nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị T xin ly hôn anh B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh B có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe tốt, cháu Lê Phương T đang sống cùng chị T, cháu Lê Minh D và cháu Lê Minh H đang sống cùng anh B.

Xét thấy hiện nay cả 03 con chung của chị T và anh B đều còn nhỏ, chưa đủ tuổi thành niên và cần có sự chăm sóc của bố mẹ. Cháu Lê Phương T là con gái, hiện tại cháu được 02 tuổi do vậy nên cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ nhiều hơn. Nhận thấy hiện nay cháu Lê Phương T vẫn đang sinh sống cùng mẹ, hai cháu Lê Minh D và Lê Văn H đang sinh sống cùng bố và cả hai cháu Lê Minh D và Lê Văn H đều có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy nên nguyện vọng của chị T về việc nuôi con là phù hợp với hiện trạng thực tế và cũng tránh sự xáo trộn trong cuộc sống hàng ngày của các cháu, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Dũng và Hiếu.

Trước đây chị T làm công nhân tại Công ty TNHH phụ tùng xe máy ô tô Showa Việt Nam, tuy nhiên chị đã nghỉ việc từ tháng 8/2020. Hiện nay chị đang

được hưởng trợ cấp thất nghiệp từ tháng 11/2020, mỗi tháng được 3.740.000 đồng. Hiện tại chị đang buôn bán thêm quần áo thu nhập mỗi tháng được khoảng 2.000.000 đồng.

Về mức thu nhập bình quân, về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung anh B cũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét về nguyện vọng của anh Dũng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Phương T, giao cho anh B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Minh D và Lê Văn H kể từ tháng 12/2020 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T.**

Chị Cao Thị T được ly hôn anh Lê Văn B.

**2. Về con chung:** Xác nhận chị Cao Thị T và anh Lê Văn B có 03 con chung là Lê Minh D sinh ngày 25/9/2009, Lê Văn H sinh ngày 16/10/2012 và Lê Phương T sinh ngày 21/12/2018.

Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Phương T, giao cho anh B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Minh D và Lê Văn H kể từ tháng 12/2020 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Cao Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0017598 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5.** Chị Cao Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X.Đại Mạch, H.Đông Anh;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Thu Huyền**

